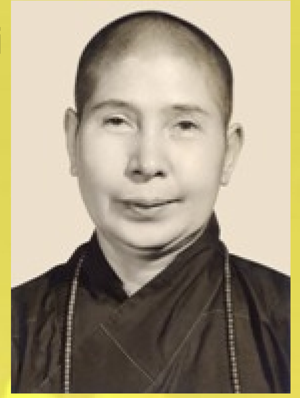
Đôi nét về Tôn Sư Hải Triều Âm



Thầy sanh năm 1920 tại tỉnh Hòa Bình, Bắc Việt. Vì mang trong người 2 dòng máu Pháp – Việt, nên tên Thầy là Nguyễn Thị Ni và tên tiếng Pháp là Eugénie Catallan. Cha tên Etienne Catallan. Mẹ tên Nguyễn Thị Đắc.

Lấy xong bằng tốt nghiệp Diplôme D'étude Primaire Supérieur,Thầy đi dạy học. Ngay khi còn tại gia, Thầy đã biểu lộ lòng từ bi. Ngày ngày dạy học, ngoài thời giờ Thầy vào các bệnh viện, trại mồ côi, dưỡng lão để giúp đỡ an ủi động viên những mảnh đời bất hạnh.

Cơ duyên được biết Phật pháp là do Sư cụ Thích Tuệ Nhuận. Bài pháp đầu tiên được nghe Sư cụ giảng tại chùa Quán Sứ là kinh Lăng Nghiêm, phẩm Quán Âm Quảng Trần và chương Đại Thế Chí niệm Phật. Lãnh hội được sự vi diệu của Phật pháp đem lại niềm an vui cho mọi người, Thầy in những cuốn kinh nhỏ phát cho những Phật tử tới chùa tụng kinh hàng ngày.

Quy y với Hòa-thượng Pháp chủ đương thời là ngài Thích Mật Ứng, được Ngài đặt cho pháp danh là Hải Triều Âm.

Thầy thành lập gia đình Phật tử, mở các hội trưởng lão, thanh thiếu niên, nhi đồng ở Hà Nội, Hải Phòng. Ngoài ra Thầy còn viết báo cho tòa báo Bồ Đề của Sư cụ Thích Tuệ Nhuận, dưới bút hiệu là Cát Tường Lan. Các bài pháp rất thực tế, đưa Phật pháp vào tư tưởng thanh thiếu niên thời bấy giờ.

Năm 29 tuổi, thâm ngộ lẽ vô thường, dù phước thiện thế gian có hay đến đâu cũng không thể đưa đến giải thoát. Thầy xuất gia với Hòa-thượng Thích Đức Nhuận, ở chùa Đồng Đắc, Hà Nội. Y chỉ và thọ giới với Hoà-thượng Ni Tịnh Uyển, chùa Thanh Xuân, làng Phùng Khoang, Hà Nội.

Đến năm 1954, vâng lời Hoà-thượng di cư vào Nam. Nhập chúng ở chùa Dược Sư, Gia Định, Sàigòn. Vừa lo tu học, vừa hầu mẹ già bị bệnh bán thân, vừa lãnh việc chuyên giảng dạy cho Phật tử. Thầy tinh trì giới luật, nghe kinh Kim Cang lãnh ngộ được tông chỉ niệm Phật. Tu quán Tứ Niệm Xứ để khai tuệ giác tỉnh, sở đắc về bộ kinh Lăng Nghiêm để khai tri kiến Phật.

Sau khi mẹ mất, vì muốn báo hiếu công ơn mẹ, thấy rằng không gì bằng công đức tu hành, Thầy nhập thất 5 năm ở chùa Vạn Đức, Thủ Đức, TPHCM, chuyên tâm niệm Phật. Sau chuyển lên Phú An, Đức Trọng, Lâm Đồng nhập thất 7 năm tại ngôi tịnh thất nhỏ Linh Quang. Những mong nhập Niệm Phật tam muội.

Nhưng từ hoài bi nguyện độ sanh không bỏ, tại đây Thầy bắt đầu độ chúng, lúc đó chỉ có vài chục người. Đến nay đã thành lập 8 chùa Ni Liên, Linh Quang, Liên Hoa, Viên

Thông, Hương Sen, Dược Sư, Lăng Nghiêm, Bát Nhã. Đủ các căn cơ, già trẻ, lớn bé cho đến người tàn tật, trẻ mồ côi Thầy đều đưa tay tế độ, mong họ được kết duyên với Phật pháp. Phật tử quy y thì không biết bao nhiêu mà kể.

Mặc dù giác biết chúng sanh huyễn có, vẫn dùng pháp huyễn để độ chúng sanh. Ngày ngày lên lớp giảng dạy, từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều, lời lẽ uyên bác, chỉ mặt phải, răn mặt trái. Nhắc đi nhắc lại, cặn kẽ từng lời, mong sao cho các con thấm nhuần kinh pháp. Lời giảng dạy của Thầy ai nghe cũng thấy đúng với tâm trạng của mình, hợp thời, hợp cơ, giản dị dễ hiểu, lại rất thực tế.

Đối với đại chúng, Thầy khiêm cung, giản dị, từ hòa. Nhưng nghiêm khắc đưa đại chúng vào khuôn khổ giới luật, nội quy. Sửa trị những xấu ác, nhưng bao dung những lỗi lầm chỉ cốt cho đại chúng thành những bậc pháp khí trong Phật pháp.

Thầy một lòng lo cho đại chúng, từ tinh thần đến vật chất, hy sinh sức khỏe thời giờ, tận tình từ đời sống tạm thời đến rồi đi, tới đời sống đạo vị lợi ích vĩnh viễn trong kiếp tương lai. Suốt ngày trọn đêm không giờ phút nào Thầy ngơi nghỉ trong bổn phận tự giác giác tha.

Tấm gương vô ngã vị tha của Thầy, không lời lẽ nào có thể kể hết được những hạnh đức của Thầy, đã gieo vào tâm thức chúng tôi những ấn tượng khó phai. Lúc Thầy ở Chùa Liên Hoa, Bình Thạnh, TPHCM, học chúng đổ về học pháp rất nhiều, không đủ chỗ, Thầy sửa lại phòng tắm làm chỗ nghỉ cho mình, nhường phòng mình làm chỗ ở cho chúng. Còn nhớ những ngày đông giá rét ở xứ lạnh cao nguyên, ai ai cũng co ro lo tìm sự an ổn cho mình. Riêng Thầy, áo mền ấm áp nhường tất cả cho các con, ráp những tấm vải thô vừa nặng vừa chẳng đủ ấm làm phần của mình.

Thấy đàn hậu lai trí kém tuệ ít, Thầy toát yếu lại những bộ kinh Hoa Nghiêm, Bát Nhã, Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, luật Tỳ-kheo-ni v.v… lời văn giản dị, xác thực để học chúng dễ nắm được yếu chỉ của kinh luật. Mắt đeo kính, dưới ánh đèn dầu, Thầy miệt mài đọc sách dịch kinh. Từng bộ kinh hán văn dày cộm đầy những chữ với bộ óc tuổi già thật mỏi nhọc, Thầy vẫn hết sức cố gắng cặm cụi dịch sang việt ngữ để đàn hậu lai có sách học tập. Thầy đã biên dịch, biên soạn, toát yếu gần 100 đầu sách và in ấn không biết bao nhiêu mà kể. Bậc chân tu liễu đạo thường ẩn danh nên mỗi một cuốn sách viết ra Thầy không để tên mình bao giờ, mà lấy tên của các đệ tử đặt vào sách. Ấn tống các kinh Di Đà, Phổ Môn, Dược Sư gởi khắp Bắc Trung Nam, để các Phật tử có kinh tiếng Việt. Mang bệnh giựt cơ trên đầu mấy chục năm nhưng chưa từng vì đó mà nghỉ ngơi. Có lần vì muốn làm cuốn Hai Cánh Nhà Ni cho các Tỳ-kheo-ni mới thọ giới nắm vững giới điều, Thầy đã thức suốt cả tháng.

Một lòng tôn kính Phật Pháp Tăng, gặp bất cứ hình tượng Phật nào Thầy đều thành kính đảnh lễ. Tận tình học pháp, nghiên cứu pháp, truyền bá giáo pháp, cả đời Thầy nêu cao tấm gương vì pháp quên thân. Đối với Tăng Ni, Thầy khiêm cung, kính trọng, dạy hàng đệ tử chúng tôi suốt đời phải thực hành Bát Kính Pháp. Dạy chúng tôi nếp sống lục hoà, trên kính dưới nhường, lấy Giới Định Tuệ làm sự nghiệp chính của mình.

Thầy thường răn nhắc chị em phải tinh tấn tu hành để đền ơn thí chủ. Đời sống giản dị, tiết kiệm từng hạt gạo, tấm vải. Thường răn dạy chúng tôi không được phung phí vật dụng Tam-bảo, phải biết yêu tiếc như giữ tròng con mắt. Thầy kiệm đức kiệm phước trong từng hành động, 70 tuổi vẫn tự giặt áo, giăng mùng, không phiền nhọc một người hầu hạ. Mãi đến 80 tuổi, Phật sự đa đoan, tuổi già mỏi nhọc, Thầy mới cho hàng đệ tử chúng tôi trợ giúp. Đến nay già lão, thân suy yếu lại bệnh nhưng chưa bao giờ Thầy hiện tướng mỏi nhọc buồn phiền, gặp ai cũng nở nụ cười từ ái. Ai đến gần Thầy đều cảm nhận được sự mát mẻ từ bi, tất cả bao phiền não đều tiêu tan.

Bởi vì thấu đạt được chân lý "nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh", nên con sâu con kiến, hàm linh bão thức, các loài chúng sanh, đã có duyên với Thầy đều được thừa hưởng ân đức Thầy ban bố, được thấm nhuần pháp vị. Lòng từ bi của Thầy không chỉ nhân loại được hưởng mà thấm nhuần đến từng cỏ cây, loài vật. Với chúng sanh, đói Thầy cho ăn, khát Thầy cho uống, rét Thầy cho áo mặc, niệm Phật để nó kết duyên với Phật pháp từ đời này đến đời sau. Thầy răn dạy chúng tôi "đó chính là những huynh đệ chúng ta từ kiếp trước, chỉ vì một chút lỗi lầm phải đoạ làm thân chó, nên các con phải tận tình thương xót".

Xếp đặt cho các con trong hiện tại đã đủ mọi bề khó khăn, lại còn lo mai này, Thầy về cõi Phật, các con nương tựa vào đâu ? Thầy làm chùa, xây dựng cho hậu lai nơi ăn chốn ở. Nhưng thế sự vô thường, không bền chắc, chỉ có Phật pháp mới là nơi nương tựa vững vàng nhất. Thầy vì đàn hậu lai mở ra một đường lối tu hành rõ ràng. Năm 1988, Thầy viết một bài Di Chúc, để lại cho đàn hậu lai chúng tôi. Đó vừa là lời dặn dò, vừa là con đường tu hành của bản thân Thầy và cũng là kim chỉ nam chỉ lối đưa đường cho đàn hậu lai chúng tôi trên bước đường tu học, gọi là BỐN MÙA HOA GIÁC.

Qua bao thăng trầm thế sự, Thầy vẫn như núi kia bất động trước cảnh đời dâu bể, vẫn cúi xuống tận lực đùm bọc che chở, nuôi dưỡng thánh chủng cho hàng đệ tử chúng tôi. Sức an định của Thầy như núi cao bất động trước phong ba của tám gió. Trí tuệ của Thầy như trăng sáng chiếu soi, phá tan bao hắc ám của đời sanh tử. Dù nói bao nhiêu cũng không đủ lời để tán dương hạnh đức Tôn sư.

Chúng tôi mạo muội viết lên ít dòng để nêu lên một phần nào công hạnh của Tôn sư, mong rằng những người hữu duyên được mông ân pháp vũ.

Đây hương giới đức bện tình son
Đây gởi bao lòng trẻ chúng con
Quà dâng Tôn Sư, niềm tin kính
Pháp giới đồng chung hưởng phước ân.
Ao sen bát đức hoa đua nở
Thắm cõi trời Tây nguyện góp phần.

Chùa Dược Sư chúng con
Trân trọng kính ghi đền ơn pháp nhũ